

Số 7438-QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2025
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kinh phí cho các chương trình, dự án và đào tạo cán bộ, học sinh Lào sử dụng nguồn dự phòng chưa phân bổ vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 23/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Văn phòng Trung ương Đảng;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 25/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước, chi thường xuyên (nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài) năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 25/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương sau sắp xếp và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-TTg ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương (đợt 5);



Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-TTg ngày 31/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Văn phòng Trung ương Đảng để chi trả chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1991/QĐ-TTg ngày 11/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-TTg ngày 03/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (đợt 5);

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của các đơn vị dự toán trực thuộc Học viện; Quyết định giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ban Quản lý dự án xây dựng mô hình quản trị thông minh tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN 2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh theo phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Tài chính (Vụ I),
- Trung tâm CN và CDS (để đăng tin),
- Lưu: VT, Vụ KH - TC.



Nguyễn Xuân Thắng

BIỂU CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 7438-QĐ/HVCTQG ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng																				
Số TT	Nội dung	Tổng số giao điều chỉnh, bổ sung năm 2025	Chi tiết các đơn vị												Vốn nước ngoài (viện trợ không hoàn lại) giao tại Văn phòng Học viện					Ghi chú
			Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Hội đồng LLTW	Học viện Bảo chí và Truyền truyền	Học viện Hành chính và Quản trị công	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành	Ban điều hành Đề án về quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống GDQD	Văn phòng Đề án 587	Văn phòng Đề án 979	Ban Quản lý dự án Mô hình quản trị thông minh	Chương trình KX.02/21-25	Văn phòng Đề án 621		
I	DỰ TOÁN CHI NSNN	1.878.040	603.458	169.744	118.221	122.443	57.568	53.815	134.137	221.806	9.757	234.951	1.852	20.450	18.134	47.236	36.126	23.950	4.392	
1	Chi đầu tư phát triển	279.352				-	-		-			232.116				47.236				
	Vốn thực hiện dự án	279.352				-	-		-			232.116				47.236				
-	Ngành Giáo dục và đào tạo	232.116										232.116								
-	Ngành Công nghệ thông tin	47.236														47.236				
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	1.277.981	418.301	165.308	115.818	119.540	55.988	6.805	122.095	217.206	9.257	2.835	1.852	20.450	18.134	-	-	-	4.392	
2.1	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070-083)	931.095	411.601	165.108	115.618	119.340	55.788	6.720	-	-	9.257	2.835	1.852	20.450	18.134	-	-	-	4.392	
*	Chi thường xuyên giao tự chủ	591.471	290.162	100.916	81.846	73.990	39.177	-			3.438	1.942								
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	4.847	3.597	456	207	339	248													
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ	339.624	121.439	64.192	33.772	45.350	16.611	6.720			5.819	893	1.852	20.450	18.134				4.392	
	Trong đó bao gồm:	-																		
	- Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	10.008	4.374	1.023	736	1.556	850				251	9	185	365	659					
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	107.640	33.935	19.853	22.189	20.669	7.745				3.249									
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác	217.584	83.130	43.316	10.847	23.125	8.016	6.720			2.319	884	1.667	20.085	17.475					
2.2	Chi đào tạo đại học (Loại 070-081)	327.737	-	-	-	-	-	-	121.895	205.842	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	Chi thường xuyên giao tự chủ	155.633							86.283	69.350										
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên	938							938	-										
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ	172.104							35.612	136.492										
	Trong đó đã bao gồm:	-																		
	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	2.417							2.417	-										

11/11/2025

2

Số TT	Nội dung	Tổng số giao điều chỉnh, bổ sung năm 2025	Chi tiết các đơn vị														Vốn nước ngoài (viện trợ không hoàn lại) giao tại Văn phòng Học viện	Ghi chú		
			Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Hội đồng LLTW	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Học viện Hành chính và Quản trị công	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành	Ban điều hành Đề án về quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống GDQD	Văn phòng Đề án 587	Văn phòng Đề án 979	Ban Quản lý dự án Mô hình quản trị thông minh			Chương trình KX.02/21-25	Văn phòng đề án 621
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	77.078						22.450	54.628											
	- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác	92.609	-	-	-			10.745	81.864	-										
2.3	Chi đào tạo sau đại học (Loại 070-082)	11.364	-	-	-	-	-	-	11.364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi thường xuyên giao tự chủ	11.364	-					-	11.364											
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ	-							-											
2.4	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (Loại 070-085)	7.785	6.700	200	200	200	200	85	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi thường xuyên giao tự chủ	-																		
*	Chi thường xuyên không giao tự chủ	7.785	6.700	200	200	200	200	85	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Loại 340-351)	37.543	-	-	-	-	-	37.543	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Chi thường xuyên giao tự chủ	20.973						20.973												
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	414						414												
3.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (2)	16.570						16.570												
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	358						358												
4	Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ (Loại 100-102)	164.336	116.594	2.190	2.103	2.903	1.580	-	2.840	-	-	-	-	-	-	-	36.126	-	-	-
4.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	164.336	116.594	2.190	2.103	2.903	1.580	-	2.840	-	-	-	-	-	-	-	36.126	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	36.126																		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	110.464	104.874	840	840	1.540	930		1.440											
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	840	770	-	40	-	-	30												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	17.746	11.720	1.350	1.263	1.363	650		1.400											
4.2	Chi thường xuyên giao tự chủ	-																		

Số TT	Nội dung	Tổng số giao điều chỉnh, bổ sung năm 2025	Chi tiết các đơn vị													Vốn nước ngoài (viện trợ không hoàn lại) giao tại Văn phòng Học viện	Ghi chú			
			Văn phòng Học viện	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Hội đồng LLTW	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Học viện Hành chính và Quản trị công	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành	Ban điều hành Đề án về quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống GDQD	Văn phòng Đề án 587	Văn phòng Đề án 979			Ban Quản lý dự án Mô hình quản trị thông minh	Chương trình KX.02/ 21-25	Văn phòng đề án 621
4.3	Chỉ thường xuyên không giao tự chủ	-										-								
5	Chỉ sự nghiệp Khoa học công nghệ (Loại 100-103)	48.300	37.433	-	-	-	-	9.467	-	1.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Chỉ thường xuyên giao tự chủ	1.261	-					-		1.261										
5.2	Chỉ thường xuyên không giao tự chủ	47.039	37.433					9.467		139										
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	1.733	1.733																	
6	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-278)	6.900	6.900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Chỉ thường xuyên giao tự chủ	-	-																	
6.2	Chỉ thường xuyên không giao tự chủ	6.900	6.900																	
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	268	268																	
7	Chỉ các hoạt động kinh tế (Loại 280-338)	3.000	2.350	-	300	-	-	-	350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Chỉ thường xuyên giao tự chủ	-																		
7.2	Chỉ thường xuyên không giao tự chủ	3.000	2.350		300				350											
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	56	56																	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa - thông tin (Loại 160-171)	500	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Chỉ thường xuyên giao tự chủ	-																		
8.2	Chỉ thường xuyên không giao tự chủ	500									500									
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	50									50									
9	Chỉ viện trợ (Loại 400-402)	60.128	21.880	2.246	-	-	-	-	8.852	3.200	-	-	-	-	-	-	-	23.950	-	-
9.1	Chỉ thường xuyên giao tự chủ	-																		
9.2	Chỉ thường xuyên không giao tự chủ	60.128	21.880	2.246					8.852	3.200								23.950		